

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2018
Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Danh Thi

Bà Võ Thị Thúy An

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Chí Tâm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Tr, xã VT, huyện V, tỉnh K (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Phương T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp Tr, xã VT, huyện V, tỉnh K (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng Chính sách XH; địa chỉ: phố L, phường H, quận H, HN.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh Y, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V; địa chỉ: khu phố VD2, thị trấn VT, huyện V, tỉnh K. (Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Ngân hàng Chính sách XH - Ông Y có đơn xin vắng mặt).

3.2. Bà Phan Thị S, sinh năm 1946; địa chỉ: ấp Tr, xã VT, huyện V, tỉnh K (Bà S có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn Đ trình bày: Năm 2014 anh Đ và chị T chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, chị T thường bỏ nhà đi không rõ lý do, khi anh Đ điện thoại thì chị T để người đàn ông khác nhắc máy nói chuyện chửi anh, trong năm 2017 chị T rủ người bạn trai củ đến nhà anh quấy phá 4 lần. Hiện nay bạn trai T thường xuyên điện thoại, nhắn tin chửi và hăm dọa, còn chị T thì nhiều lần nhậu say về nhà từ 1 giờ đến 2 giờ tối, mỗi lần nói đến thì chị T cãi vã tay đôi với anh Đ, nếu anh đánh chị T một bạt tay thì T cầm dao rọc đuổi chém anh Đ. Từ những mâu thuẫn trên anh Đ không thể chung sống được với chị T nên yêu cầu ly hôn với chị T. Giữa anh Đ, chị T chung sống với nhau không có con chung. Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Trong quá trình chung sống anh Đ có vay nợ Ngân hàng chính sách XH số tiền là 25.000.000đ và nợ mẹ ruột anh Đ là bà Phan Thị S 05 chỉ vàng 24k 98%. Tại phiên tòa anh Đ xác định anh đã trả xong số nợ của bà S 05 chỉ vàng 24k 98%, hiện nay chỉ còn nợ của Ngân hàng chính sách XH số tiền là 25.000.000đ. Anh Đ đồng ý trả toàn bộ số nợ trên cho ngân hàng, không yêu cầu chị T cùng có trách nhiệm trả nợ.

Tại bản tự khai ngày 11/12/2017 và trong quá trình xét xử bị đơn chị Phạm Phương T trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh Đ về quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, quá trình chung sống không có con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, vợ chồng tự thỏa thuận. Về nợ thống nhất việc anh Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ 25.000.000đ cho ngân hàng chính sách XH. Đối với số nợ của bà S 05 chỉ vàng 24k 98% anh Đ thừa nhận đã trả xong, chị T thống nhất không ý kiến. Nay anh Đ xin ly hôn chị T không đồng ý ly hôn, lý do chị vẫn còn yêu thương anh Đ.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách XH, người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh Y trình bày: Ngân hàng chính sách XH có cho anh Đ vay số tiền là 25.000.000đ, mục đích vay “hộ mới thoát nghèo”, thời hạn vay từ 17/11/2016 đến 09/11/2021, đến nay khoản vay trên chưa đến hạn thanh toán. Nay anh Đ và chị T ly hôn thì ngân hàng không ý kiến. Tuy nhiên, đối với khoản nợ vay 25.000.000đ anh Đ trực tiếp vay của ngân hàng thì ngân hàng không yêu cầu độc lập gì trong vụ tranh chấp này. Ngân hàng thống nhất cam kết việc anh Đ có trách nhiệm trả nợ theo biên bản về việc thỏa thuận trách nhiệm trả nợ ngày 15/12/2017 của anh Lê Văn Đ và chị Phạm

Phương T. Nếu anh Đ cam kết có trách nhiệm tự trả nợ mà không thực hiện thì Ngân hàng chính sách XH có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Tại bản tự khai ngày 04/01/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phan Thị S trình bày: Vào năm 2015 bà cho con ruột là anh Lê Văn Đ mượn 05 chỉ vàng 24k 98%, đến nay anh Đ đã trả xong số nợ trên. Nay vợ chồng anh Đ, chị T ly hôn thì bà không có yêu cầu gì đến số nợ trên, lý do anh Đ đã thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S, Ngân hàng Chính sách XH (người đại diện theo ủy quyền là ông Y), đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà S và ông Y theo quy định Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Phạm Phương T cư trú tại ấp Tr, xã VT, huyện V, tỉnh K nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Năm 2014, anh Đ và chị T chung sống với nhau theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

2. Vợ chồng đã ly hôn muốn xác lập lại quan hệ vợ chồng thì phải đăng ký kết hôn”.

Như vậy pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn Đ và chị Phạm Phương T. Giữa anh, chị không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh Đ và chị T. Theo đó, giữa anh Đ và chị T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* anh chị không có con chung;

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Đ đồng ý trả toàn bộ số nợ 25.000.000đ cho ngân hàng chính sách XH. Ngân hàng đồng ý việc thỏa thuận anh Đ có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ. Ngân hàng chính sách XH không yêu cầu độc lập trong vụ án này lý do khoản nợ vay trên chưa đáo hạn hợp đồng, hợp đồng vay hết hạn 19/11/2021 nếu anh Đ thỏa thuận có trách nhiệm tự trả nợ mà không thực hiện thì Ngân hàng chính sách XH có quyền khởi kiện đối với khoản nợ vay nêu trên thành vụ kiện khác.

Đối với khoản nợ của bà Phan Thị S 05 chỉ vàng 24k 98% các bên đã thừa nhận đã trả xong, bà S không yêu cầu gì độc lập gì trong vụ tranh chấp này.

[7] Án phí sơ thẩm: anh Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; các Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Lê Văn Đ và chị Phạm Phương T.

2. Án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn Đ chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005456 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

3. Nguyên đơn anh Lê Văn Đ, bị đơn chị Phạm Phương T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/02/2018). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị S và Ngân hàng chính sách XH (người đại diện là ông Y) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Phụng